

Bản án số: 156/2024/DS-PT  
Ngày 12 tháng 7 năm 2024  
V/v tranh chấp “Bồi thường thiệt hại  
ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thám, bà Phạm Thị Minh Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở **Tòa án nhân dân tỉnh An Giang** xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 361/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023; tranh chấp “*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023, của Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2024/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn D**, sinh năm 1952 và bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1955; cùng cư trú: **Số B, tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang**.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Liên H**, sinh năm 1957, nơi cư trú: **số D, đường Q, tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang**, (có mặt).

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần M**, địa chỉ trụ sở chính: **Lầu G, số F, Nguyễn Văn T1, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**.

*Đại diện theo pháp luật:* Bà **Nguyễn Thị Hương N**, sinh năm 1984; chức vụ: Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà **Trương Thị Ngọc N1**, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: **Số A, T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang**, theo Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2024. (có mặt)

Người kháng cáo: ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** trình bày:

Năm 1985, ông **D**, bà **T** được **Trung đoàn Thông tin Quân khu I** cho mượn khu đất triền núi phía dưới pháo đài trên đỉnh Núi Sam, diện tích khoảng 4.500m<sup>2</sup> (ngang 30m x dài 150m). Sau khi được Trung đoàn đồng ý, ông **D**, bà **T** đã cải tạo, tu sửa từ vùng đá gồ ghề thành vùng đất bằng phẳng và trồng cây, tạo cảnh thành khu vui chơi giải trí.

Khoảng đầu năm 2018, **Công ty cổ phần M** (sau đây gọi tắt là **Công ty M**) cho người đến đập phá, hủy hoại toàn bộ phần đất nêu trên để xây dựng tượng bà Chúa xứ mà không thông báo cho ông **D**, bà **T**. Do đó, ông **D**, bà **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc **Công ty M** có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, tổng cộng 2.593.664.000, gồm các khoản sau:

- Các loại thú được tạc bằng vật liệu sắt thép cát, xi măng số lượng như sau: Gồm nai, thỏ, ngựa, voi, báo cao, hưu cao cổ, khủng long, con kết, tổng cộng 46.000.000 đồng.

- Các công trình tạo cảnh: 56.000.000 đồng.

- Các loại cây lâu năm trồng 02 đợt, tổng cộng 505.000.000 đồng.

- Tiền san lấp và tiền công san lấp mặt bằng với diện tích 4.500m<sup>2</sup>, với số tiền 1.159.800.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề do không hoạt động được, tổng cộng 826.846.000 đồng.

(Chi tiết từng khoản được liệt kê tại Bảng đề nghị ngày 14/4/2021 v/v chi tiết tiền bồi thường vật kiến trúc, cây lâu năm và san lấp mặt bằng tại **N**, thành phố **C**, tỉnh An Giang).

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn **Công ty cổ phần M** (sau đây gọi tắt là **Công ty M**) trình bày:

**Công ty M** đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép để thực hiện dự án “**Khu D** - Cáp treo Núi Sam”. Do đó, Công ty tiến hành xây dựng trên phần đất được bàn giao có kết cấu là sườn núi, không được biết rõ phần đất nào của ông **D**, bà **T**. Đồng thời, tại thời điểm xây dựng không có các vật kiến trúc nai, hưu cao cổ, voi... như ông **D**, bà **T** trình bày, chỉ có một số tượng nhỏ đã bị mục nát xuống

cấp do bỏ hoang lâu ngày, không có giá trị kinh tế nên lúc thi công Công ty đã dọn dẹp nhằm san lấp mặt bằng để triển khai xây dựng. Đồng thời, cũng không phát hiện ai hoạt động kinh doanh hay ngành nghề trên phần đất này và cũng không phát sinh tranh chấp. Khi san lấp, xây dựng diện tích khoảng 300m<sup>2</sup> còn lại hiện trạng vẫn giữ nguyên, hoàn toàn không có số lượng cây như ông **D**, bà **T** nêu. Theo ông **D**, bà **T** thì Quân đội cho phép tạo cảnh quan chụp ảnh, đây là thỏa thuận giữa ông **D**, bà **T** với Quân đội nên Công ty không có liên quan. Việc ông **D**, bà **T** cho rằng Công ty cho người đập phá, hủy hoại toàn bộ phần đất mà không thông báo là không đúng sự thật. Công ty xác định không gây thiệt hại về tài sản đối với ông **D**, bà **T** nên không có trách nhiệm bồi thường. Do đó, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đã xử:

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** về việc yêu cầu **Công ty Cổ phần M** bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.593.646.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

**Công ty cổ phần M** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2023, nguyên đơn ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** có đơn kháng cáo yêu cầu phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm,**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và rút một phần kháng cáo về yêu cầu tiền san lấp, tiền công san lấp mặt bằng với diện tích 4.500m<sup>2</sup>, với số tiền 1.159.800.000 đồng; tiền mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề do không hoạt động được, tổng cộng 826.846.000 đồng và cam kết không cung cấp chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa; xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc tiền san lấp, tiền công san lấp mặt bằng với diện tích 4.500m<sup>2</sup>, với số tiền 1.159.800.000 đồng; tiền mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề do không hoạt động được, tổng cộng 826.846.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo đã rút và không chấp nhận phần kháng cáo còn lại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn ông **D**, bà **T** kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ủy quyền cho bà **Trần Thị Liên H**, bị đơn ủy quyền cho bà **Trương Thị Ngọc N1** các ủy quyền này hợp lệ; Hội đồng xét xử chấp nhận tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, cũng như nội dung kháng cáo của ông **D**, bà **T** thì thấy; ông **D**, bà **T** cho rằng khi **Công ty M** thi công xây dựng đã gây thiệt hại cho khu tạo cảnh của ông, bà nên yêu cầu **Công ty M** phải có trách nhiệm bồi thường về chi phí san lấp, trồng cây, tạo tượng thú, công trình tạo cảnh, tiền mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề, tổng cộng là 2.593.646.000 đồng.

[3.1] Theo kết quả xác minh do Lữ đoàn Thông tin 29 cung cấp, cùng lời khai của những người làm chứng, thấy rằng ông **D**, bà **T** có xây dựng khu tạo cảnh để cho khách tham quan chụp ảnh từ năm 1986 là có thật. Tuy nhiên, phần đất ông, bà xây dựng thuộc đất quốc phòng do Trung đoàn (nay là **L**) Thông tin 29 quản lý, giữa ông **D**, bà **T** và Lữ đoàn không ký kết hợp đồng thuê hay giao khoán nên việc ông **D**, bà **T** sử dụng phần đất này để làm địa điểm kinh doanh là không đúng pháp luật, vì đây là đất An ninh quốc phòng. Đồng thời, Lữ đoàn cũng xác định nếu đơn vị có nhu cầu sử dụng đất thì ông **D**, bà **T** phải bàn giao lại nguyên trạng ban đầu, đơn vị không bồi thường hay hỗ trợ di dời tài sản cá nhân. Đến ngày 11/01/2018, Lữ đoàn đã bàn giao đất lại cho **UBND tỉnh A** quản lý, tại thời điểm này số cây xanh và tiểu cảnh của ông **D**, bà **T** hầu hết đã bị hư hại, xuống cấp do qua nhiều năm khai thác, sử dụng, giá trị còn lại không đáng kể.

[3.2] Tại Công văn số 962/LĐ-TM ngày 13/12/2021 của **Lữ Đoàn 211** (đơn vị quản lý khu đất) xác định, tại thời điểm Lữ đoàn chuyển giao đất quốc phòng cho **UBND tỉnh A** quản lý vào ngày 11/01/2018 đã bàn giao cả phần đất có cây

trồng, số cây xanh cũng như tiểu cảnh do bà T tạo dựng trên phần đất hầu hết đã bị hư hại, xuống cấp do đã qua nhiều năm khai thác, sử dụng, giá trị còn lại không đáng kể; ông D, bà T cho rằng hiện đang khai thác hằng ngày để sinh lợi là không có cơ sở.

[3.3] Đối với thi công, xây dựng công trình của Công ty M được UBND tỉnh A chấp thuận chủ trương đầu tư “Khu du lịch văn hóa tâm linh Bà Chúa X - Cáp treo Núi Sam”, được Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng và được UBND thành phố C bàn giao phần đất trên khu vực đỉnh Núi Sam để thực hiện dự án nêu trên. Vì vậy, việc Công ty M tiếp quản sử dụng phần đất này để thi công xây dựng là đúng quy định pháp luật.

[3.4] Ông D, bà T cho rằng khoảng đầu năm 2018, Công ty M gây thiệt hại cho khu tạo cảnh; nhưng tại phiên tòa, ông D lại cho rằng vào cuối năm 2017 khu tạo cảnh vẫn còn đang hoạt động để sinh lợi thì Công ty M thi công gây thiệt hại và đến ngày 25/5/2018, ông D, bà T làm đơn khiếu nại gửi đến UBND phường N để yêu cầu bồi thường. Lời khai này của ông D không thống nhất và không phù hợp, không xác định rõ thời gian xảy ra thiệt hại và trong thời gian dài (khoảng 5 tháng) khi Công ty M thi công, xây dựng ông D, bà T không có ý kiến hay phản đối.

Ngoài lời khai của ông D, bà T, ông bà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh vào thời điểm Công ty M bắt đầu thi công xây dựng thì các vật kiến trúc, cây trồng trong khu tạo cảnh vẫn còn và khu tạo cảnh vẫn đang hoạt động sinh lợi. Ông D, bà T không đăng ký kinh doanh khu tạo cảnh, không ký hợp đồng thuê đối với các thợ nhiếp ảnh và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh doanh thu thực tế của khu tạo cảnh nhưng lại yêu cầu bồi thường về việc mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề là không có cơ sở.

[3.5] Giai đoạn phúc thẩm, ngày 04/4/2024 nguyên đơn yêu cầu cho thẩm định, định giá lại tài sản hiện có; ngày 24/5/2024 Tòa án tiến hành thẩm định lại tài sản trên đất theo yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, đối với các tượng và tạo cảnh do nguyên đơn trình bày không còn tồn tại nên không xác định được; về cây trên đất thì nguyên đơn do ông Võ Văn D đại diện cũng không xác định được diện tích cụ thể cần thẩm định, nên không xác định được diện tích cây trên đất.

[4] Nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng minh là tài sản bị thiệt hại; mặt khác hoạt động kinh doanh của nguyên đơn tự phát không được cơ quan có thẩm quyền cho phép về hoạt động tạo cảnh, đầu tư cây xanh, tạo cảnh hoàn để kinh doanh chụp ảnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu kháng cáo về việc tiền san lấp, tiền công san lấp mặt bằng với diện tích 4.500m<sup>2</sup>, với số tiền 1.159.800.000 đồng và tiền mất thu nhập và chuyển đổi ngành nghề do không hoạt động được số tiền 826.846.000 đồng. Xét thấy nguyên đơn tự nguyện rút một phần kháng cáo,

nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần đã rút kháng cáo của nguyên đơn.

Cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm: Số tiền 3.450.000đ nguyên đơn yêu cầu phải chịu (đã thực hiện xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị không đặt ra xem xét có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí; Hội đồng xét xử chấp nhận cho miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điểm c khoản 1 Điều 289; điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu rút kháng cáo về việc bồi thường tiền san lấp và tiền công san lấp mặt bằng với diện tích 4.500m<sup>2</sup>, số tiền 1.159.800.000 đồng và tiền mất thu nhập, chuyển đổi ngành nghề do không hoạt động được, số tiền 826.846.000 đồng.

Không chấp nhận phần nội dung yêu cầu kháng cáo còn lại của nguyên đơn **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc đã xử

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** về việc yêu cầu **Công ty cổ phần M** bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 2.593.646.000 đồng.

Chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông **Võ Văn D**, bà **Nguyễn Thị Kim T** được miễn án phí. **Công ty cổ phần M** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “Đề thi hành”
- Lưu: HS.

**Nguyễn Văn Sơn**